

Ngày thi: 05/10/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					5	10	15	15					55	100			
1	162146663	Huỳnh Thị Ly	Ly	K16NAD1	10	10	9.7	8					9.6	9.4	Chín phẩy Bốn		
2	162614987	Lê Thị Mơ	Mơ	K16NAD1	7	10	8.3	8.3					8.4	8.5	Tám phẩy Năm		
3	162625020	Nguyễn Văn Tiến	Đạt	K16NAD1	7	8	5.8	7.8					7.2	7.2	Bảy phẩy Hai		
4	162625021	Mai Thị Xuân	Diệu	K16NAD1	1	4	0	0					HP	0.0	Không		
5	162625022	Nguyễn Minh	Đức	K16NAD1	4	6	6.9	7.3					7.6	7.1	Bảy phẩy Một		
6	162625023	Phan Thị Lan	Dung	K16NAD1	9	10	8	8.8					7	7.8	Bảy phẩy Tám		
7	162625024	Phùng Thị Linh	Giang	K16NAD1	9	10	9.6	9					7.9	8.6	Tám phẩy Sáu		
8	162625025	Nguyễn Thị Hằng	Hằng	K16NAD1	10	10	6.7	7.5					7.8	7.9	Bảy phẩy Chín		
9	162625026	Nguyễn Trọng	Hiển	K16NAD1	8	8	5.8	3.5					6	5.9	Năm phẩy Chín		
10	162625027	Phạm Thị Ánh	Hồng	K16NAD1	10	10	6.5	6.5					7.1	7.4	Bảy phẩy Bốn		
11	162625028	Trần Thị	Khuyên	K16NAD1	10	10	8	9					6.7	7.7	Bảy phẩy Bảy		
12	162625030	Lương Thị Lệ	Lệ	K16NAD1	10	9	8.9	8.5					7.6	8.2	Tám phẩy Hai		
13	162625031	Chế Thị Tú	Linh	K16NAD1	9	9	7.6	7.5					7.4	7.7	Bảy phẩy Bảy		
14	162625033	Đào Duy	Linh	K16NAD1	5	6	4.1	8					4	4.9	Bốn phẩy Chín		
15	162625035	Nguyễn Thị Lý	Lý	K16NAD1	8	10	6.1	7					7.1	7.3	Bảy phẩy Ba		
16	162625037	Nguyễn Thị Kim	Minh	K16NAD1	10	10	8.4	8.3					6	7.3	Bảy phẩy Ba		
17	162625039	Nguyễn Thị Huyền	My	K16NAD1	0	0	0	0					HP	0.0	Không		
18	162625040	Lê Thị Bích	Ngọc	K16NAD1	9	6.5	6.8	8.5					5.6	6.5	Sáu phẩy Năm		
19	162627066	Hồ Thị Trâm	Anh	K16NAD1	5	5	2.4	0					5.1	3.9	Ba phẩy Chín		
20	162627119	Phan Thanh	Hải	K16NAD1	5	6	2.1	6.3					4.9	4.8	Bốn phẩy Tám		
21	162627206	Hoàng Thị Anh	Đào	K16NAD1	9	9	6.9	7					6.6	7.1	Bảy phẩy Một		
22	162627284	Huỳnh Tôn Nữ Diệu	Linh	K16NAD1	0	0	0	0					HP	0.0	Không		
23	162627441	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	K16NAD1	8	9	7.5	7					8.5	8.2	Tám phẩy Hai		
24	162627507	Phùng Thị	Hạnh	K16NAD1	9	10	8.8	7					7.7	8.1	Tám phẩy Một		
25	152625786	Lại Thị Kim	Thoa	K16NAD2	9	10	8.8	8.5					8.5	8.7	Tám phẩy Bảy		
26	162616964	Đặng Xuân	Thảo	K16NAD2	9	7	6.5	8					5.7	6.5	Sáu phẩy Năm		
27	162625041	Huỳnh Thị Uyên	Nhi	K16NAD2	9	10	7.6	8.3					4.8	6.5	Sáu phẩy Năm		
28	162625045	Nguyễn Bá	Phước	K16NAD2	9	8	7.7	8.8					7.8	8.0	Tám		
29	162625046	Lê Quang Thảo	Phương	K16NAD2	9	9	7.1	9					7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
30	162625047	Nguyễn Thị Uyên	Phương	K16NAD2	8	10	9	9.2					9.4	9.3	Chín phẩy Ba		
31	162625048	Nguyễn Thị Quỳnh	Phương	K16NAD2	10	9	6.9	7.8					5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
32	162625049	Vô Thị Kim	Phượng	K16NAD2	10	9	7.8	8.3					4.4	6.2	Sáu phẩy Hai		
33	162625050	Nguyễn Lương Thuý	Quỳnh	K16NAD2	10	10	9.5	9.3					8.6	9.1	Chín phẩy Một		
34	162625052	Dư Thị Bích	Thảo	K16NAD2	10	10	9.9	9.9					9.4	9.6	Chín phẩy Sáu		
35	162625053	Trần Thị Thuý	Trâm	K16NAD2	10	10	9.3	8.6					9.3	9.3	Chín phẩy Ba		
36	162625054	Ngô Thị Bích	Trâm	K16NAD2	9	10	8.5	8.8					9.1	9.1	Chín phẩy Một		
37	162625056	Đỗ Thị Thùy	Trang	K16NAD2	8	8	7.2	8.7					7.8	7.9	Bảy phẩy Chín		
38	162625057	Nguyễn Tiểu	Trúc	K16NAD2	10	10	8.4	9.3					7.6	8.3	Tám phẩy Ba		
39	162625058	Nguyễn Đình	Trung	K16NAD2	5	5	5.8	6.8					5.9	5.9	Năm phẩy Chín		
40	162625059	Hồ Thị Cẩm	Tú	K16NAD2	5	5	3.3	9.5					6.3	6.1	Sáu phẩy Một		
41	162625060	Phạm Thanh	Tùng	K16NAD2	7	6.5	8	7.3					8.1	7.8	Bảy phẩy Tám		
42	162625061	Trần Vi	Vi	K16NAD2	9	10	8.1	8.5					5.7	7.1	Bảy phẩy Một		
43	162625062	Phạm Thị Tường	Vi	K16NAD2	7	6.5	6.1	8					4.6	5.6	Năm phẩy Sáu		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K16NAD													
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				MÔN HỌC:	TRUNG NGỮ CAO CẤP 1								HỌC KỲ		5		
				MÃ MÔN:	CHI 301								TÍN CHỈ		2		
Ngày thi:				05/10/2012								LẦN THI		1			
ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ			
				5	10	15	15						55	100			
44	162625063	Trình Duy Vinh	K16NAD2	7	8.5	8.5	8.3						6.3	7.2	Bảy phẩy Hai		
45	162626559	Lê Nho Việt	K16NAD2	8	9	8	7.8						6	7.0	Bảy		
46	162626966	Nguyễn Thị Tuyết Nhân	K16NAD2	10	10	9.1	9.9						8.8	9.2	Chín phẩy Hai		
47	162627120	Lê Thị Bích Thủy	K16NAD2	10	10	8.9	9						8.7	9.0	Chín		
48	162627286	Phạm Thị Phương Trinh	K16NAD2	8	8	8	8.5						7.9	8.0	Tám		
49	162627326	Lê Thị Hoàng Ni	K16NAD2	9	8	7.9	8.5						7.3	7.7	Bảy phẩy Bảy		
50	162627589	Lê Diệu Tố Tâm	K16NAD2	5	5	3.5	9.3					HP	0.0		Không		
51	152624418	Phạm Thị Thanh Thảo	K15NAD2	7	5	4.3	4.3						7.1	6.0	Sáu		
52	151442350	Vũ Thị Kim Huệ	K15NAB2	5	6.5	4.9	5						6.2	5.8	Năm phẩy Tám		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	47	90%	
2	Số sinh viên nợ	5	10%	
TỔNG CỘNG :		52	100%	

LẬP BẢNG
KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 10 năm 2012
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn T K Phụng

ThS. Nguyễn Hữu Phú